

TP.Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2024

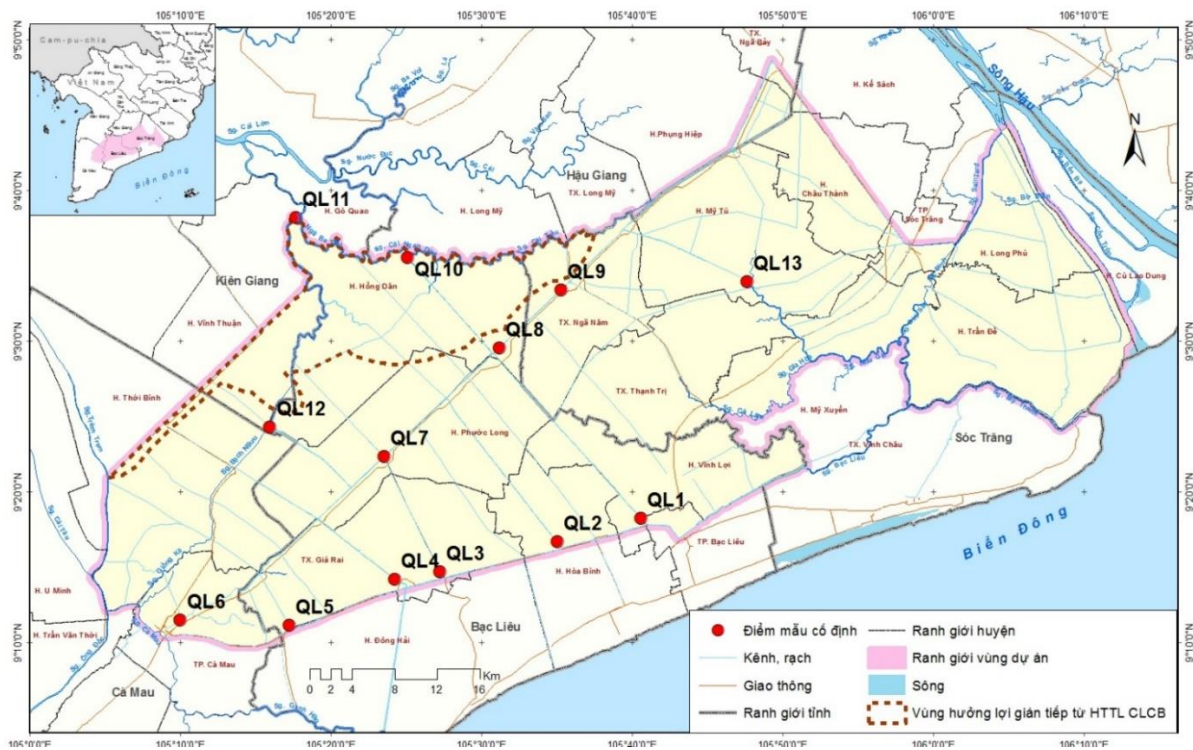
BẢN TIN TUẦN KỲ 02

“Đợt đo ngày 24/02/2024, dự báo từ 09/03/2024 đến 15/03/2024”

I. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 24/02/2024

1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được chọn để bảo đảm không chế đều chất lượng nước trong khu vực giám sát, kiểm soát được các tác động bên ngoài, đánh giá được các nguồn thải, phục vụ cho mô hình dự báo chất lượng nước. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



1. Dự báo chất lượng nước ngày 09/3÷15/3/2024

Thời gian dự báo cho đợt 2 là vào ngày 09/3÷15/3/2024 với các biên chất lượng nước đầu vào là số liệu thực đo vào ngày 24/2/2024. Kết quả dự báo các chỉ số chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD, NH₄⁺. Biểu đồ dự báo các thông số được thể hiện dưới đây:

1.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo dao động 0÷27‰. Tại tiểu vùng ngọt hóa, độ mặn dự báo hầu hết nhỏ hơn ranh mặn 2‰ đảm bảo nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp. Tại tiểu vùng chuyển đổi, độ mặn đáp ứng được nhu cầu cấp nước mặn cho việc nuôi trồng thủy sản (>5‰) tại tất cả các vị trí.

Bảng 1: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 09/3/2024÷15/3/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							‰	
		09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	1,0	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,0	1,1
QL2		0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
QL8		2,1	1,7	1,6	1,6	1,9	2,0	1,8	1,6	2,1
QL9		0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
QL13		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1
QL3	Chuyển đổi	19,3	18,9	18,2	18,0	18,1	18,4	18,9	18,0	19,3
QL4		18,0	17,8	18,3	18,8	19,4	19,8	20,0	17,8	20,0
QL5		25,6	25,9	26,3	26,4	26,3	26,6	26,9	25,6	26,9
QL6		26,6	26,9	27,0	26,7	26,4	26,5	26,5	26,4	27,0
QL7		21,9	22,4	22,8	22,6	22,1	22,2	22,8	21,9	22,8
QL10		4,8	5,2	5,6	5,8	5,8	5,7	5,5	4,8	5,8
QL11		5,1	5,5	5,8	6,0	6,1	6,0	5,6	5,1	6,1
QL12		16,9	17,7	18,7	19,3	19,5	19,5	19,7	16,9	19,7
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					

1.2. Oxy hòa tan (DO)

Bảng 2: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 09/3/2024÷15/3/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	5,15	5,20	5,28	5,35	5,40	5,41	5,41	5,15	5,41
QL2		5,54	5,55	5,56	5,56	5,55	5,54	5,53	5,53	5,56
QL8		5,49	5,49	5,49	5,48	5,48	5,48	5,48	5,48	5,49
QL9		3,52	3,45	3,38	3,33	3,30	3,21	3,10	3,10	3,52
QL13		2,42	2,48	3,37	4,64	5,83	5,23	5,02	2,42	5,83
QL3	Chuyển đổi	5,49	5,48	5,48	5,48	5,48	5,47	5,47	5,47	5,49
QL4		5,49	5,49	5,49	5,49	5,48	5,48	5,48	5,48	5,49
QL5		5,62	5,60	5,58	5,56	5,56	5,56	5,58	5,56	5,62
QL6		3,52	3,45	3,38	3,33	3,30	3,21	3,10	3,10	3,52
QL7		5,54	5,54	5,54	5,54	5,54	5,54	5,55	5,54	5,55
QL10		5,25	5,28	5,32	5,36	5,36	5,33	5,38	5,25	5,38

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Quản Lộ - Phụng Hiệp, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 24/02/2024)

QL11		5,56	5,64	5,71	5,76	5,80	5,82	5,81	5,56	5,82
QL12		5,44	5,43	5,43	5,42	5,42	5,42	5,42	5,42	5,44
QCVN 08:2015 (Cột A1)		>=6								
QCVN 08:2015 (Cột B1)		>=4								
Vượt cột B1		<4								

Kết quả dự báo hàm lượng DO với dao động 2,42÷5,83 mg/l. Trong tiểu vùng chuyển đổi, hàm lượng DO dự báo tại cống Cà Mau thấp hơn ngưỡng đảm bảo nuôi trồng thủy sản (4mg/l), cần xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi. Tại các vị trí còn lại trong tiểu vùng chuyển đổi, hàm lượng DO trong ngưỡng cột B1 theo QCVN08 MT:2015/BTNMT đảm bảo cho nuôi trồng thủy sản.

1.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong tuần dao động từ 6,83÷21,37 mg/l. Hầu hết các vị trí có hàm lượng BOD₅ dự báo đạt ngưỡng cột B1 theo QCVN08 MT:2015/BTNMT, đảm bảo phục vụ cấp nước cho canh tác nông nghiệp. Ngoại trừ, tại cống cà Mau (QL6) có BOD₅ cao vượt ngưỡng cột B1 từ 1,2 ÷ 1,4 lần, không đáp ứng nhu cầu cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.

Bảng 3: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 09/3/2024÷15/3/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	12,04	12,02	11,79	11,91	12,07	12,15	12,19	11,79	12,19
QL2		8,61	8,84	9,13	9,30	9,34	9,36	9,39	8,61	9,39
QL8		12,14	12,48	12,81	13,04	13,09	13,10	12,99	12,14	13,10
QL9		9,24	9,55	9,82	9,94	10,00	9,97	9,99	9,24	10,00
QL13		8,58	8,72	8,73	8,75	8,79	8,79	8,77	8,58	8,79
QL3	Chuyển đổi	6,83	7,33	7,86	8,26	8,49	8,45	8,30	6,83	8,49
QL4		10,69	10,88	11,00	10,94	10,81	10,71	10,63	10,63	11,00
QL5		13,27	13,22	13,18	13,38	13,74	13,97	13,94	13,18	13,97
QL6		19,08	18,59	18,35	18,51	19,41	20,66	21,37	18,35	21,37
QL7		7,55	7,66	7,83	8,03	8,14	8,21	8,22	7,55	8,22
QL10		9,08	9,14	9,13	9,14	9,11	9,08	9,06	9,06	9,14
QL11		7,97	8,04	8,06	8,02	7,91	7,73	7,56	7,56	8,06
QL12		12,89	13,05	13,03	13,05	12,97	12,73	12,95	12,73	13,05
QCVN 08:2015 Cột A1		4								
QCVN 08:2015 Cột B1		15								
Vượt cột B1		>15								

1.4. Amoni (NH₄⁺)

Bảng 4: Giá trị dự báo NH₄⁺ tại các điểm giám sát từ 09/3/2024÷15/3/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	0,47	0,48	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	0,47	0,49
QL2		0,71	0,75	0,87	1,00	1,06	1,11	1,18	0,71	1,18

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Quản Lộ - Phụng Hiệp, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 24/02/2024)

QL8		1,22	1,26	1,30	1,33	1,36	1,39	1,41	1,22	1,41	
QL9		1,21	1,22	1,23	1,21	1,23	1,22	1,18	1,18	1,23	
QL13		0,24	0,24	0,23	0,23	0,22	0,22	0,21	0,21	0,24	
QL3	Chuyển đổi	0,56	0,57	0,60	0,68	0,78	0,74	0,59	0,56	0,78	
QL4		0,50	0,51	0,52	0,53	0,54	0,55	0,55	0,50	0,55	
QL5		0,61	0,58	0,56	0,56	0,56	0,57	0,58	0,56	0,61	
QL6		0,62	0,65	0,65	0,66	0,68	0,72	0,71	0,62	0,72	
QL7		0,44	0,45	0,45	0,48	0,52	0,57	0,62	0,44	0,62	
QL10		0,75	0,77	0,79	0,82	0,85	0,85	0,84	0,75	0,85	
QL11		0,26	0,27	0,28	0,28	0,27	0,27	0,27	0,26	0,28	
QL12		0,69	0,72	0,75	0,79	0,83	0,87	0,88	0,69	0,88	
QCVN 08:2015 (Cột A1)			0,3								
QCVN 08:2015 (Cột B1)			0,9								
Vượt cột B1		> 0,9									

Giá trị NH_4^+ dự báo dao động từ 0,21÷1,41 mg/l. Trong tiểu vùng ngọt hóa, hàm lượng amoni vượt cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT tại hầu hết các vị trí, tuy nhiên vẫn có thể dùng nước cho tưới tiêu trồng trọt. Đối với chuyển đổi, hàm lượng amoni nằm trong ngưỡng cột A1 đến cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT, đảm bảo nhu cầu cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.

Khuyến cáo: Trong thời gian dự báo, độ mặn tại trong tiểu vùng chuyển đổi cao phù hợp cho việc lấy nước nuôi trồng thủy sản (>5‰). Hàm lượng BOD_5 dự báo tại cống Cà Mau (QL6) cao vượt ngưỡng cột B1 từ 1,2 ÷1,4 lần, không phù hợp lấy nước cho sản xuất nông nghiệp. Hàm lượng NH_4^+ dự báo trong tiểu vùng chuyển đổi nằm trong ngưỡng cho phép, đảm bảo cho cấp nước sản xuất nông nghiệp.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (đề b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (đề b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (đề b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (đề b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB

VIỆN KỸ THUẬT BIỂN
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN
PHẠM VĂN TÙNG

Phụ lục 1: Dự báo các chỉ tiêu DO, BOD₅ cho kỳ 3 (từ 16-22/3/2024)

STT	Kí hiệu	Dự báo DO (mg/l)							Dự báo BOD ₅ (mg/l)						
		16/03	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	16/03	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03
1	QL1	5,41	5,46	5,53	5,64	5,73	5,80	5,87	12,24	12,38	12,31	12,09	12,06	12,17	12,24
2	QL2	5,51	5,48	5,49	5,49	5,50	5,50	5,52	9,36	9,22	9,00	8,77	8,64	8,65	8,68
3	QL3	5,47	5,47	5,46	5,46	5,45	5,44	5,44	8,26	8,43	8,59	8,36	8,20	8,29	8,62
4	QL4	5,48	5,48	5,48	5,48	5,47	5,47	5,47	10,58	10,54	10,53	10,56	10,62	10,69	10,77
5	QL5	5,63	5,68	5,70	5,70	5,73	5,84	6,02	13,93	13,83	13,53	13,30	13,33	13,41	13,34
6	QL6	3,09	3,29	3,45	3,47	3,45	3,44	3,44	21,61	21,40	20,61	19,68	18,77	17,71	17,04
7	QL7	5,55	5,55	5,55	5,55	5,54	5,54	5,54	8,25	8,21	8,15	8,16	8,18	8,20	8,22
8	QL8	5,48	5,48	5,47	5,47	5,47	5,47	5,47	12,67	12,16	11,96	11,97	12,00	12,07	12,18
9	QL9	3,09	3,29	3,45	3,47	3,45	4,18	5,50	9,95	9,72	9,76	10,02	10,17	10,27	10,27
10	QL10	5,52	5,77	5,96	6,08	6,17	6,23	6,27	9,07	9,16	9,18	9,27	9,31	9,27	9,20
11	QL11	5,79	5,83	5,95	6,11	6,31	6,50	6,65	7,51	7,66	7,92	8,04	8,02	8,00	8,03
12	QL12	5,41	5,41	5,40	5,39	5,39	5,38	5,38	12,71	12,35	12,22	12,26	12,43	12,60	12,71
13	QL13	4,77	4,61	4,52	4,47	4,55	4,87	5,01	8,76	8,80	8,99	8,95	8,94	8,90	8,80

Phụ lục 2: Dự báo các chỉ tiêu độ mặn và NH₄⁺ cho kỳ 3 (từ 16-22/3/2024)

STT	Kí hiệu	Dự báo độ mặn (‰)							Dự báo NH ₄ ⁺ (mg/l)						
		16/03	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	16/03	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03
1	QL1	1,16	1,17	1,18	1,19	1,20	1,22	1,23	0,51	0,53	0,54	0,55	0,56	0,57	0,57
2	QL2	0,52	0,53	0,58	0,65	0,74	0,83	0,91	1,23	1,25	1,23	1,17	1,09	1,01	0,95
3	QL3	19,76	20,56	21,22	21,71	22,04	22,21	22,16	0,54	0,52	0,51	0,51	0,52	0,53	0,57
4	QL4	20,02	20,13	20,35	20,74	21,49	20,95	19,99	0,53	0,48	0,44	0,41	0,41	0,43	0,45
5	QL5	26,35	26,10	26,03	26,01	26,03	26,10	26,21	0,59	0,62	0,64	0,66	0,67	0,68	0,69
6	QL6	26,35	26,41	26,52	26,65	26,79	26,94	27,12	0,67	0,63	0,60	0,59	0,59	0,60	0,61
7	QL7	23,30	22,88	21,09	19,15	18,17	17,87	17,72	0,66	0,68	0,68	0,66	0,65	0,62	0,58
8	QL8	1,41	1,21	1,26	1,36	1,41	1,41	1,38	1,34	1,25	1,20	1,21	1,23	1,25	1,29
9	QL9	0,10	0,10	0,10	0,09	0,09	0,09	0,09	1,23	1,17	1,08	1,06	1,08	1,12	1,17
10	QL10	5,38	5,11	4,78	4,43	4,11	3,95	3,97	0,83	0,81	0,82	0,84	0,84	0,81	0,79
11	QL11	4,96	4,44	4,09	3,83	3,58	3,45	3,46	0,27	0,27	0,27	0,28	0,29	0,30	0,31
12	QL12	20,40	20,45	19,28	17,37	16,64	17,20	18,45	0,77	0,72	0,72	0,73	0,73	0,74	0,75
13	QL13	0,07	0,08	0,09	0,10	0,10	0,11	0,11	0,21	0,20	0,20	0,21	0,21	0,23	0,25